

Số: 2538 /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 07 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1510/TTr-SNV ngày 24/7/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CVP; phòng HCTC;
- Lưu: VT, TH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Thu**

## **QUY ĐỊNH**

**Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành,  
đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**  
*(Kèm theo Quyết định số 2538 /QĐ-UBND ngày 07 /8/2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích đánh giá**

1. Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nắm bắt tình hình hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo tính kịp thời, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp phát huy những mặt tích cực; kiểm điểm làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành để đề ra các giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng trong Cụm, Khối thi đua và đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Ban quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 3. Nguyên tắc đánh giá**

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; đồng thời xem xét đến yếu tố năng động, sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Đánh giá đa chiều, lồng ghép các tiêu chí và được tính bằng điểm số cụ thể.

3. Công khai, minh bạch, công bằng trong đánh giá.

4. Cơ quan, đơn vị nào không gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại hoặc gửi vào tháng 01 năm sau sẽ không được xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI**

#### **Điều 4. Nội dung, tiêu chí đánh giá**

1. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị được xác định theo các nội dung như sau:

- a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước; thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước.
- b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản trị trong từng cơ quan, đơn vị.
- c) Điểm cộng, điểm trừ.

2. Tiêu chí đánh giá:

a) Tiêu chí đánh giá đối với các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (theo Phụ lục 1).

b) Tiêu chí đánh giá đối với các Ban Quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (theo Phụ lục 2).

#### **Điều 5. Phương pháp đánh giá, chấm điểm**

Hàng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quy định này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí quy định, đảm bảo trung thực, chính xác. Tổng số điểm tối đa theo tiêu chí đánh giá là 100 điểm (kể cả điểm cộng); Mức điểm cho mỗi tiêu chí là điểm tối đa khi đáp ứng toàn bộ yêu cầu của tiêu chí đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ thực hiện công việc, nhiệm vụ.

Trường hợp cơ quan, đơn vị không có nội dung, tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh không giao nhiệm vụ hoặc do đặc thù, điều kiện thực tế không triển khai được thì không đánh giá, chấm điểm nội dung, tiêu chí đó. Tổng số điểm tối đa để đánh giá bằng 100 điểm trừ cho điểm chuẩn của các nội dung, tiêu chí không đánh giá, chấm điểm (Cơ quan, đơn vị phải báo cáo giải trình cụ thể bằng văn bản và gửi kèm các tài liệu chứng minh). Kết quả được quy đổi theo thang điểm 100 để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

##### **1. Phương pháp đánh giá, chấm điểm đối với các Sở, ngành**

Căn cứ vào quy định thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các Sở đối chiếu kết quả công việc của đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá, chấm điểm cho từng nội dung công việc (phải có các báo cáo, bản thuyết minh, giải trình kết quả chấm điểm theo từng nội dung tiêu chí).

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước:

- **Tiêu chí 1.1.** Kết quả thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kết quả tổng hợp qua văn bản nhận

xét của Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Được tính 05 điểm;

+ Thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, nhưng chậm trễ thời gian theo yêu cầu. Được tính 03 điểm;

+ Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, nhưng không đảm bảo chất lượng. Được tính 02 điểm;

+ Thực hiện không đầy đủ. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 1.2.** Công tác xây dựng, tham mưu ban hành các đề án, văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ kết quả tổng hợp của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (theo chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành từ đầu năm) để tính điểm: Mỗi 01% hoàn thành các đề án, văn bản được tính 0,1 điểm; tỷ lệ % hoàn thành số lượng đề án, văn bản tính số điểm tương ứng; hoàn thành 100% các đề án, văn bản được tính tối đa 10 điểm;

- **Tiêu chí 1.3.** Công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Căn cứ vào ý kiến nhận xét của Ủy ban nhân dân cấp huyện để tính điểm theo các mức độ; Số điểm tối đa được tính 18 điểm.

+ Mỗi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận xét: Thực hiện tốt, được tính 01 điểm;

+ Mỗi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận xét: Thực hiện chưa tốt, được tính 0,5 điểm.

- **Tiêu chí 1.4.** Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trong việc thực hiện các quy định của pháp luật. Căn cứ vào Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của đơn vị để tính điểm theo các mức độ:

+ Có xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đầy đủ. Được tính 05 điểm.

+ Có xây dựng Kế hoạch, nhưng triển khai thực hiện chưa đầy đủ. Được tính 03 điểm.

+ Không xây dựng Kế hoạch hoặc có xây dựng Kế hoạch nhưng không triển khai. Tính 0 điểm.

- **Tiêu chí 1.5.** Công tác xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ. Căn cứ vào kết quả tổng hợp, nhận xét của Sở Thông tin và Truyền thông để tính điểm theo các mức độ:

+ Xếp loại tốt. Được tính 05 điểm.

+ Xếp loại khá. Được tính 04 điểm.

+ Xếp loại trung bình. Được tính 03 điểm.

+ Xếp loại yếu. Được tính 0 điểm.

**- Tiêu chí 1.6.** Công tác cải cách hành chính

Căn cứ kết quả xếp hạng công tác cải cách hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố trong thời gian gần nhất để thực hiện việc tính điểm theo các mức độ:

+ Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% đến 100%, được tính 10 điểm.

+ Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%, được tính 08 điểm.

+ Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60% đến dưới 75%, được tính 06 điểm.

+ Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60%, được tính 0 điểm.

**- Tiêu chí 1.7.** Chỉ số năng lực cạnh tranh (DCCI)

Căn cứ kết quả xếp hạng đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố trong thời gian gần nhất để thực hiện việc tính điểm theo các mức độ:

+ Xếp loại tốt. Được tính 05 điểm.

+ Xếp loại khá. Được tính 04 điểm.

+ Xếp loại trung bình. Được tính 03 điểm.

+ Xếp loại yếu. Được tính 0 điểm.

**- Tiêu chí 1.8.** Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất đầy đủ số lượng, đảm bảo nội dung và đúng thời gian theo quy định, phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kết quả tổng hợp qua văn bản nhận xét của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

**- Tiêu chí 1.9.** Thực hiện chế độ họp, hội nghị theo Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kết quả tổng hợp qua văn bản nhận xét của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

**- Tiêu chí 1.10.** Thực hiện tốt công tác phối hợp với các Sở, ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu, các dự án, đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công. Căn cứ Báo cáo của Sở, ngành được phân công chủ trì hoặc cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu, dự án, đề án, để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm;
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 1.11.** Thực hiện công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ vào kết quả xếp loại thực hiện công tác dân vận được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố trong thời gian gần nhất để tính điểm theo các mức độ:

- + Hoàn thành xuất sắc. Được tính 05 điểm;
- + Hoàn thành tốt. Được tính 04 điểm;
- + Hoàn thành. Được tính 02 điểm;
- + Không hoàn thành. Được tính 0 điểm.

b) Kết quả thực hiện quản trị trong cơ quan, đơn vị:

- **Tiêu chí 2.1.** Thực hiện việc sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 2.2.** Thực hiện việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện đúng quy định. Được tính 03 điểm.
- + Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo theo quy định. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 2.3.** Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 02 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 2.4.** Thực hiện việc quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 02 điểm
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 2.5.** Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng. Căn cứ kết quả tự đánh giá của cơ quan, đơn vị và tổng hợp, đánh giá của Thanh tra tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 02 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

c) Điểm cộng, điểm trừ:

- **Điểm cộng:** Tối đa cộng không quá 08 điểm, trong đó:

+ Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh). Mỗi chính sách, đề án được cộng thêm 01 điểm (tối đa không quá 05 điểm).

+ Có đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh trở lên được Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận. Mỗi đề tài khoa học, sáng kiến được tính 0,5 điểm (tối đa không quá 03 điểm).

+ Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cơ quan, đơn vị báo cáo, Tổ thẩm định tiến hành kiểm tra, rà soát và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cộng điểm.

- **Điểm trừ:**

+ Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Bị trừ 03 điểm.

+ Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền: Không giải quyết, bị trừ 01 điểm; Giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng hoặc chậm tiến độ so với quy định, bị trừ 0,5 điểm.

+ Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền. Bị trừ 01 điểm.

+ Trong cơ quan, đơn vị có công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật: Có cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý kỷ luật, bị trừ 03 điểm; Có cá nhân là người giữ chức vụ cấp trưởng, phó phòng trực thuộc bị xử lý kỷ luật, bị trừ 02 điểm; Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị bị xử lý kỷ luật, bị trừ 01 điểm.

Ngoài các tiêu chí bị trừ điểm nêu trên, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại trễ hạn dưới 15 ngày bị trừ 05 điểm; trễ hạn từ 15 ngày đến 30 ngày bị trừ 10 điểm trong Tổng số điểm.

## **2. Phương pháp chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**

Căn cứ vào quy định thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các đơn vị đối chiếu kết quả công việc của đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá, chấm điểm cho từng nội dung công việc (phải có các báo cáo, bản thuyết minh, giải trình kết quả chấm điểm theo từng nội dung tiêu chí).

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước:

- **Tiêu chí 1.1.** Kết quả thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kết quả tổng hợp qua văn bản nhận xét của Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Được tính 05 điểm;

+ Thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, nhưng chậm trễ thời gian theo yêu cầu. Được tính 03 điểm;

+ Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, nhưng không đảm bảo chất lượng. Được tính 02 điểm;

+ Thực hiện không đầy đủ. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 1.2.** Công tác triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, quy định, các chương trình, đề án, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực (theo chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành từ đầu năm). Căn cứ kết quả tổng hợp của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ: Mỗi 01% văn bản triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định được tính 0,1 điểm; tỷ lệ % văn bản triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định được tính số điểm tương ứng; 100% văn bản triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định được tính 10 điểm.

- **Tiêu chí 1.3.** Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực.

+ Đối với các Ban quản lý: Căn cứ Báo cáo của đơn vị và kết quả tổng hợp của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ. Thực hiện tốt công tác nghiệm thu, bàn giao và thực hiện thanh quyết toán các dự án; thực hiện tốt công tác giải ngân. Được tính điểm 20 điểm; mỗi nội dung chưa tốt, chưa hoàn thành bị tính giảm 02 điểm.

+ Đối với các Trường: Căn cứ Báo cáo của đơn vị và kết quả tổng hợp của các Sở quản lý ngành và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ. Thực hiện tốt công tác tuyển sinh; công tác đào tạo, nâng cao năng lực giảng dạy. Được tính điểm 20 điểm; mỗi nội dung chưa tốt, chưa hoàn thành bị tính giảm 02 điểm.

- **Tiêu chí 1.4.** Xây dựng và thực hiện kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm. Căn cứ kết quả tổng hợp của Sở Tài chính và Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 1.5.** Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách. Căn cứ kết quả tổng hợp của Cục Thuế để tính điểm theo các mức độ:



+ Thực hiện tốt. Được tính 10 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 05 điểm.

- **Tiêu chí 1.6.** Tổ chức nghiên cứu, hội thảo khoa học và quản lý, khuyến khích hoạt động sáng kiến trong công tác; tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên, các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công. Căn cứ Báo cáo của đơn vị để tính theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 1.7.** Thực hiện tốt việc xây dựng và Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của đơn vị; Xây dựng và khai thác có hiệu quả Trang Thông tin điện tử của đơn vị. Căn cứ kết quả tổng hợp của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 03 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 1.8.** Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất đầy đủ số lượng, đảm bảo nội dung và đúng thời gian theo quy định, phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kết quả tổng hợp qua văn bản nhận xét của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 1.9.** Thực hiện chế độ họp, hội nghị theo Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kết quả tổng hợp qua văn bản nhận xét của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.

+ Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 1.10.** Thực hiện tốt công tác phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu, các dự án, đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công. Căn cứ Báo cáo của sở, ngành được phân công chủ trì hoặc cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu, dự án, đề án, để tính điểm theo các mức độ:

+ Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm;

+ Thực hiện chưa tốt được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 1.11.** Thực hiện công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ vào kết quả xếp loại thực hiện công tác dân vận được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố trong thời gian gần nhất để tính điểm theo các mức độ:

- + Hoàn thành xuất sắc. Được tính 05 điểm;
- + Hoàn thành tốt. Được tính 04 điểm;
- + Hoàn thành. Được tính 02 điểm;
- + Không hoàn thành. Được tính 0 điểm.

b) Kết quả thực hiện quản trị trong cơ quan, đơn vị

- **Tiêu chí 2.1.** Thực hiện việc sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 05 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 03 điểm.

- **Tiêu chí 2.2.** Thực hiện việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện đúng quy định. Được tính 03 điểm.
- + Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo theo quy định. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 2.3.** Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 02 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 2.4.** Thực hiện việc quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất. Căn cứ kết quả tổng hợp, đánh giá của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 02 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

- **Tiêu chí 2.5.** Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng. Căn cứ kết quả tự đánh giá của cơ quan, đơn vị và tổng hợp, đánh giá của Thanh tra tỉnh để tính điểm theo các mức độ:

- + Thực hiện tốt. Được tính 02 điểm.
- + Thực hiện chưa tốt. Được tính 01 điểm.

c) Điểm cộng, điểm trừ:

- **Điểm cộng:** Tối đa cộng không quá 08 điểm, trong đó:

+ Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh). Mỗi chính sách, đề án được cộng thêm 01 điểm (tối đa không quá 05 điểm).

+ Có đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh trở lên được Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận. Mỗi đề tài khoa học, sáng kiến được tính 0,5 điểm (tối đa không quá 03 điểm).

+ Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cơ quan, đơn vị báo cáo, Tổ thẩm định tiến hành kiểm tra, rà soát và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cộng điểm.

**- Điểm trừ:**

+ Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Bị trừ 03 điểm.

+ Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền: Không giải quyết, bị trừ 01 điểm; Giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng hoặc chậm tiến độ so với quy định, bị trừ 0,5 điểm.

+ Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền. Bị trừ 01 điểm.

+ Trong cơ quan, đơn vị có công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật: Có cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý kỷ luật, bị trừ 03 điểm; Có cá nhân là người giữ chức vụ cấp trưởng, phó phòng trực thuộc bị xử lý kỷ luật, bị trừ 02 điểm; Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị bị xử lý kỷ luật, bị trừ 01 điểm.

Ngoài các tiêu chí bị trừ điểm nêu trên, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại trễ hạn dưới 15 ngày bị trừ 05 điểm; trễ hạn từ 15 ngày đến 30 ngày bị trừ 10 điểm trong Tổng số điểm.

**Điều 6. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

1. Xếp loại mức độ hoàn thành thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị được chia thành 4 mức, cụ thể như sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

a) Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên.

b) Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.

c) Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

d) Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50 điểm.

2. Kết quả điểm để xếp loại của các cơ quan, đơn vị là tổng điểm (gồm điểm chấm theo tiêu chí, điểm thưởng, điểm trừ) sau khi được xác định theo từng tiêu chí tại Quy định này.

3. Những cơ quan, đơn vị không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao để xảy ra những vụ việc từ nghiêm trọng trở lên thì bị hạ 01 mức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

### **Chương III**

## **TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, THẨM ĐỊNH VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ**

#### **Điều 7. Tự đánh giá, chấm điểm**

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, đối chiếu với tiêu chí đánh giá, tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và tự nhận mức xếp loại, gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ. Thời gian hoàn thành chậm nhất vào **ngày 30/11** hàng năm.

Thành phần hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.
- Báo cáo kết quả công tác năm.
- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm.
- Tài liệu minh chứng kèm theo báo cáo.
- Báo cáo giải trình (nếu có).

#### **Điều 8. Thẩm định và công bố kết quả**

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị theo đề nghị của Sở Nội vụ.

1. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ, thủ tục kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại cơ quan, đơn vị; các Sở, ngành được giao nhiệm vụ gửi kết quả tổng hợp, nhận xét đối với từng tiêu chí thành phần về Sở Nội vụ. Thời gian hoàn thành chậm nhất vào **ngày 05/12** hàng năm.

2. Tổ thẩm định tiến hành thực hiện rà soát, phân tích, tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian hoàn thành chậm nhất vào **ngày 15/12** hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bỏ phiếu thông qua kết quả, đánh giá. Báo cáo kết quả đánh giá, trình Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

4. Sở Nội vụ hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định xếp loại và công bố kết quả xếp loại của các cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 9. Chế độ khen thưởng, kỷ luật**

1. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó theo quy định hiện hành.

### **Chương IV**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan**

### **1. Các cơ quan, đơn vị.**

a) Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này, hàng năm có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

b) Căn cứ Quy định này, cụ thể hóa thành quy định của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

c) Các tổ chức liên quan có trách nhiệm xây dựng tổ chức đảng và tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại cơ quan, đơn vị, xem đây là một trong những tiêu chí để đánh giá phân loại cuối năm.

### **2. Sở Nội vụ.**

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định.

b) Xây dựng kế hoạch đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị hàng năm; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch; tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm đánh giá thực chất, khách quan, đúng phạm vi, đối tượng.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ thẩm định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị được phân công theo dõi, tổng hợp kết quả, đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định.

đ) Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung:

- Xếp hạng công tác cải cách hành chính;
- Kết quả xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.
- Quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền.
- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức.
- Nhận xét, đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các cơ quan, đơn vị.

### **3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung:

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Xây dựng, tham mưu ban hành các đề án, văn bản quy phạm pháp luật;
- Kết quả triển khai các văn bản pháp luật, quy định, chương trình, đề án, quy hoạch ngành, lĩnh vực.

- Tham mưu ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất;

- Chấp hành chế độ họp, hội nghị.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp đánh giá, nhận xét đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo thời gian theo quy định.

#### 4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung:

- Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

- Xây dựng và khai thác có hiệu quả Trang Thông tin điện tử.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để tuyên truyền nội dung Quy định này.

#### 5. Sở Khoa học và Công nghệ

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung:

- Xây dựng và Áp dụng tiêu chuẩn ISO;

- Đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh đã được Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận;

- Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên.

#### 6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung:

- Kết quả xếp hạng đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành;

- Công tác nghiệm thu, bàn giao và thực hiện thanh quyết toán các dự án; thực hiện công tác giải ngân công trình có vốn đầu tư công.

#### 7. Sở Tài chính

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung: Quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất.

#### 8. Thanh tra tỉnh

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị ở các nội dung:

- Công tác thanh tra, kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

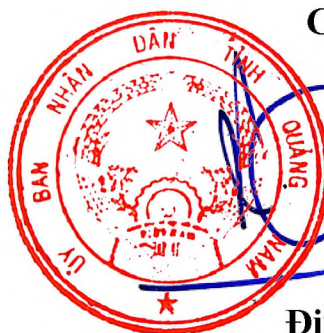
- Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng.

9. Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh.

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến quy định này; phối hợp cung cấp thông tin theo dõi, phản ánh tình hình triển khai các hoạt động hành chính tại các cơ quan, đơn vị để có cơ sở giúp các cơ quan chức năng thực hiện có hiệu quả việc đánh giá, xếp loại.

**Điều 11.** Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Thu**

**Phụ lục số 1**  
**Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với Sở, ngành**  
*(Kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 07/8/2019*  
*của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Giải trình việc tự chấm điểm
<b>1</b>	<b>Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước</b>	<b>78</b>		
1.1	Kết quả thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.	<b>05</b>		
-	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	05		
-	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, nhưng chậm trễ theo yêu cầu.	03		
-	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, nhưng không đảm bảo chất lượng.	02		
-	Thực hiện không đầy đủ.	01		
1.2	Công tác xây dựng, tham mưu ban hành các đề án, văn bản quy phạm pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.	<b>10</b>		
-	Hoàn thành 100%	10		
-	Hoàn thành dưới 100%. Tính theo tỷ lệ tương ứng	<10		
1.3	Công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã	<b>18</b>		
1.4	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.	<b>05</b>		
-	Có xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đầy đủ.	05		
-	Có xây dựng Kế hoạch, nhưng triển khai thực hiện chưa đầy đủ.	03		
-	Không xây dựng Kế hoạch hoặc có xây dựng nhưng không triển khai thực hiện.	0		
1.5	Công tác xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ	<b>05</b>		
-	Thực hiện tốt	05		
-	Thực hiện khá	04		



-	Thực hiện trung bình	03		
-	Thực hiện yếu	0		
1.6	Thực hiện công tác cải cách hành chính.	<b>10</b>		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% đến 100%.	10		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%.	08		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60% đến dưới 75%.	06		
-	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60%.	0		
1.7	Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI)	<b>05</b>		
-	Xếp loại tốt.	05		
-	Xếp loại khá.	04		
-	Xếp loại trung bình.	03		
-	Xếp loại yếu.	0		
1.8	Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh	<b>05</b>		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.9	Tình hình thực hiện chế độ họp, hội nghị theo Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh	<b>05</b>		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.10	Phối hợp, triển khai, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; các đề án, dự án	<b>05</b>		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.11	Thực hiện công tác dân vận	<b>05</b>		
-	Hoàn thành tốt.	05		
-	Hoàn thành khá.	04		
-	Hoàn thành.	02		
-	Không hoàn thành.	0		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện quản trị trong cơ quan, đơn vị</b>	<b>14</b>		
2.1	Thực hiện việc sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.	<b>05</b>		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
2.2	Thực hiện việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	<b>03</b>		

-	Thực hiện đúng quy định.	03		
-	Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo theo quy định.	01		
2.3	Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức.	<b>02</b>		
-	Thực hiện tốt	02		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.4	Thực hiện việc quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất.	<b>02</b>		
-	Thực hiện tốt	02		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.5	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng.	<b>02</b>		
-	Thực hiện tốt	02		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
<b>3</b>	<b>Điểm cộng, điểm trừ</b>	<b>08</b>		
<b>3.1</b>	<b>Điểm cộng</b>	<b>08</b>		
-	Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh).	05		
-	Có đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh trở lên được Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận.	03		
<b>3.2</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>08</b>		
-	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	<b>03</b>		
-	Giải quyết đơn thư	<b>01</b>		
+	Không giải quyết	01		
+	Giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng hoặc chậm tiến độ so với quy định.	0,5		
-	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	<b>01</b>		
-	Bị xử lý kỷ luật	<b>03</b>		
+	Có cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý kỷ luật	03		
+	Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị bị xử lý kỷ luật	01		

**Phụ lục số 2**  
**Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đơn vị sự nghiệp công lập**  
**trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**  
*(Kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 07/8/2019*  
*của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Giải trình việc tự chấm điểm
<b>1</b>	<b>Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước</b>	<b>78</b>		
1.1	Tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	<b>05</b>		
-	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	05		
-	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng, nhưng chậm trễ theo yêu cầu.	03		
-	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo thời gian, nhưng không đảm bảo chất lượng.	02		
-	Thực hiện không đầy đủ.	01		
1.2	Kết quả triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, quy định, các chương trình, đề án, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	<b>10</b>		
-	100% văn bản triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung theo quy định	10		
-	Thực hiện dưới 100%. Tính theo tỷ lệ tương ứng	<10		
1.3	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực quản lý - Đối với các Ban quản lý: Thực hiện tốt công tác nghiệm thu, bàn giao và thực hiện thanh quyết toán các dự án; thực hiện tốt công tác giải ngân. - Đối với các Trường: Thực hiện tốt công tác tuyển sinh; công tác đào tạo, nâng cao năng lực giảng dạy.	<b>20</b>		
1.4	Xây dựng và thực hiện kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm.	<b>05</b>		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.5	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách.	<b>10</b>		
-	Thực hiện tốt.	10		

-	Thực hiện chưa tốt.	05		
1.6	Tổ chức nghiên cứu, hội thảo khoa học và quản lý, khuyến khích hoạt động sáng kiến trong công tác; tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên, các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.7	Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của đơn vị; Xây dựng và khai thác có hiệu quả Trang Thông tin điện tử của đơn vị	03		
-	Thực hiện tốt.	03		
-	Thực hiện chưa tốt.	01		
1.8	Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.9	Tình hình thực hiện chế độ họp, hội nghị theo Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.10	Phối hợp, triển khai, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; các đề án, dự án	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
1.11	Thực hiện công tác dân vận	05		
-	Hoàn thành xuất sắc.	05		
-	Hoàn thành tốt.	04		
-	Hoàn thành.	02		
-	Không hoàn thành.	0		
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện quản trị trong cơ quan, đơn vị</b>	<b>14</b>		
2.1	Thực hiện việc sắp xếp bộ máy; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.	05		
-	Thực hiện tốt.	05		
-	Thực hiện chưa tốt.	03		
2.2	Thực hiện việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền	03		
-	Thực hiện đúng quy định.	03		

-	Thực hiện có nội dung chưa đảm bảo theo đúng quy định.	01		
2.3	Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức.	<b>02</b>		
-	Thực hiện tốt	02		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.4	Thực hiện việc quản lý tài chính, ngân sách, trang thiết bị và cơ sở vật chất.	<b>02</b>		
-	Thực hiện tốt	02		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
2.5	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh về hành vi tham nhũng.	<b>02</b>		
-	Thực hiện tốt	02		
-	Thực hiện chưa tốt	01		
<b>3</b>	<b>Điểm cộng, điểm trừ</b>	<b>08</b>		
<b>3.1</b>	<b>Điểm cộng</b>	<b>08</b>		
-	Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, đề án phát sinh, có tính chất đặc thù (không nằm trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh).	05		
-	Có đề tài khoa học, sáng kiến cấp tỉnh trở lên được Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận.	03		
<b>3.2</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>08</b>		
-	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	<b>03</b>		
-	Giải quyết đơn thư	<b>01</b>		
+	Không giải quyết	01		
+	Giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng hoặc chậm tiến độ so với quy định.	0,5		
-	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	<b>01</b>		
-	Bị xử lý kỷ luật	<b>03</b>		
+	Có cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý kỷ luật	03		
+	Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị bị xử lý kỷ luật	01		